

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **11/2022/HS-ST**

Ngày: **16/02/2022**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG – TỈNH HẢI DƯƠNG**

Thành phần những người tiến hành tố tụng gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Hải Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhiệm - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại Phòng xử án - Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự thụ lý số 17/2022/HSST ngày 28 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/HSST-QĐ ngày 09/02/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: 95 phố ChC, khu 1, phường VH, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa (học vấn): 8/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Khắc Trào (đã chết) và bà Nguyễn Thị L. Có chồng là Ngô Đức T và 01 con sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 16/12/2021 đến 19/12/2021 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn áp dụng Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

- Anh Vũ Việt A, sinh năm 1992. Địa chỉ: 5/167 PĐP, khu 1, phường CT, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Anh Phạm Phú T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khu 3, phường NC, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Minh Cường, sinh năm 1963. Địa chỉ: 203A Nguyễn Thượng Mẫn, phường Bình Hàn, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 16/12/2021 tại số 478 phố VH, phường VH, thành phố Hải Dương, Nguyễn Thị H đang đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bán số lô, số đề trái phép cho anh Vũ Việt A. Địa chỉ: Khu 1, phường CT, thành phố Hải Dương với số tiền 2.000.000 đồng và anh Phạm Phú T. Địa chỉ: Khu 3 phường NC, TP. Hải Dương với số tiền 3.200.000 đồng. Tổng số tiền

sử dụng vào việc đánh bạc là 5.200.000 đồng thì bị Đội cảnh sát điều tra về trật tự xã hội Công an thành phố Hải Dương phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng. Ngoài ra Công an còn thu giữ của Hạnh số tiền 3.690.000 đồng Hạnh khai là tiền của khách mua số lô tô và số lô, số đề.

Hình thức đánh bạc: Sau khi người chơi mua các số lô, số đề của Hạnh thì được so với kết quả xổ số kiến thiết miền bắc mở thưởng vào tối cùng ngày. Nếu số đề trùng với hai số cuối của giải đặc biệt thì người chơi thắng và ngược lại, số lô được so với hai số cuối của tất cả các giải nếu trùng thì người chơi thắng và ngược lại. Một điểm lô tương đương với 20.000đ nếu trúng thì được ăn 70.000đ còn số đề 1.000đ được ăn 77.000đ.

Vật chứng: Đối với 06 mảnh giấy kích thước 6x8cm được cắt từ ½ vé số lô tô trên mặt sau có ghi các số lô, số đề và 01 tập giấy trắng được quản lý trong hồ sơ vụ án; 01 bút bi; 01 điện thoại Iphone 6 được quản lý tại kho vật chứng của công an thành phố Hải Dương và số tiền 8.890.000đ đang được quản lý tại Kho bạc nhà nước tỉnh Hải Dương chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 02/VKS-HS ngày 26/01/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố Nguyễn Thị H về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Hạnh đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình: Bị cáo công nhận Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương là đúng. Bị cáo đề nghị sung vào ngân sách nhà nước số tiền bị thu giữ 3.690.000 đồng.

Trong phần tranh luận Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cho xã hội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã kết luận về vụ án, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Tòa án.

+ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Đánh bạc”.

+ Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị H từ 22.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 5.200.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bút bi nhãn hiệu Matixs fo-024 mực viết màu xanh.

- Tịch thu cho phát mại sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại iphone màu trắng số IMEI 359302062097552.

- Sung vào ngân sách nhà nước số tiền 3.690.000 đồng.

Lưu giữ tại hồ sơ vụ án: 06 mảnh giấy kích thước 6x8cm được cắt từ ½ tờ vé lô tô trên mặt sau có ghi các số lô, số đề và 01 tập giấy trắng để làm tài liệu căn cứ của vụ án.

+ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải trả 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến gì với phần kết luận và không tham gia tranh luận với Đại diện viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là sai trái, bị cáo lần đầu phạm tội nên mong Tòa khoan hồng cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ xác định có tội và điều luật áp dụng đối với bị cáo: Xét thấy các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa như: Biên bản phạm tội quả tang, lời khai của bị cáo, người làm chứng tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay. Nên đã có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 16/12/2021 tại số 478 phố VH, phường VH, thành phố Hải Dương, Nguyễn Thị H đang đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bán số lô, số đề trái phép cho anh Vũ Việt A và anh Phạm Phú T. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 5.200.000 đồng thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố bị cáo về tội danh và điều luật tại Quyết định truy tố nêu trên là hoàn toàn có cơ sở, chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị bắt quả tang, sự việc phạm tội đơn giản, chứng cứ rõ ràng, tội phạm ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng nên Tòa án áp dụng thủ tục rút gọn để xét xử đối với bị cáo theo quy định tại các Điều 455, 456, 457, 462, 463 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức bán số lô, số đề cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng là khách thể được Luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an trong xã hội có thể là nguyên nhân nảy sinh các tội phạm khác, cần phải có biện pháp xử lý

ng nghiêm tương xứng với hành vi của bị cáo nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt sống biết chấp hành, tuân thủ pháp luật và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo Hạnh là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Xét thấy bị cáo phạm tội do nhất thời bột phát, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, số tiền phạm tội ở mức khởi điểm của cấu thành tội phạm, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phù hợp với các điều kiện áp dụng hình phạt “Phạt tiền“ là hình phạt chính (theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự) mà không cần thiết phải áp dụng các hình phạt khác quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Vì bị cáo đã bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa xét thấy là phù hợp, được chấp nhận.

[5] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Đối với số tiền 5.200.000 đồng là số tiền do bị cáo bán số lô, số đề trái phép cho anh Việt Anh và anh Thoại mà có cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Đối với 01 bút bi nhãn hiệu Matixs fo-024 mực viết màu xanh bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại iphone màu trắng số IMEI 359302062097552 bị cáo sử dụng để chụp lại tích kê phục vụ việc đối chứng so thường cần tịch thu cho phát mại sung vào ngân sách nhà nước .

Đối với số tiền 3.690.000 đồng thu giữ của bị cáo, bị cáo xác định không sử dụng vào việc phạm tội và không có căn cứ chứng minh bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại bị cáo. Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo tự nguyện đề nghị sung vào ngân sách nhà nước nên cần ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo sung vào ngân sách nhà nước số tiền 3.690.000 đồng.

Đối với 06 mảnh giấy kích thước 6x8cm được cắt từ 1/2 tờ vé lô tô trên mặt sau có ghi các số lô, số đề và 01 tập giấy trắng cần lưu tại hồ sơ vụ án để làm tài liệu căn cứ của vụ án.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo bị kết án phải trả án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với anh Thoại bị kết án năm 2003 về tội đánh bạc đã được xóa án tích, chưa bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gá bạc, chưa bị kết án về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gá bạc sử dụng số tiền dưới 5.000.000 đồng nên Công an đã xử phạt hành chính là phù hợp.

Anh Ngô Văn Vững không biết Hạnh bán số lô, số đề trái phép; không làm rõ được người mua số lô, số đề trái phép ngày 16/12/2021 nên không có căn cứ xử lý.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm b khoản 1 Điều 32; khoản 1 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Điều 455, 456, 457, 462, 463 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136, Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt: Phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Thị H **22.000.000** đồng (hai mươi hai triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 5.200.000 đồng.

Tịch thu tiêu hủy 01 bút bi nhãn hiệu Matixs fo-024 mực viết màu xanh.

Tịch thu cho phát mại sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại iphone màu trắng số IMEI 359302062097552.

Sung vào ngân sách nhà nước số tiền 3.690.000 đồng.

Lưu giữ tại hồ sơ vụ án: 06 mảnh giấy kích thước 6x8cm được cắt từ ½ tờ vé lô tô trên mặt sau có ghi các số lô, số đề và 01 tập giấy trắng để làm tài liệu căn cứ của vụ án.

(Tình trạng vật chứng, đặc điểm, số lượng, chủng loại theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Dương và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương ngày 15/02/2022).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị H phải trả 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND TP. Hải Dương;
- Bị cáo;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an TP. Hải Dương;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an TP. Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Cảnh sát Công an tỉnh Hải Dương;
- Thông báo KQXX cho ủy ban;
- Lưu hồ sơ, án văn.
- Lưu văn phòng.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Minh

Mẫu số 27-HS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:...../.....⁽²⁾/HS-ST

Ngày.....-.....-.....⁽³⁾

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN.....⁽⁴⁾

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁵⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà)

Các Hội thẩm nhân dân (quân nhân):

Ông (Bà).....

Ông (Bà).....

Ông (Bà).....

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà).....⁽⁶⁾

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân⁽⁷⁾.....tham gia phiên tòa:

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁸⁾ tại.....⁽⁹⁾

xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:.../.../TLST-HS

ngày...tháng...năm...theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:.../.../QĐXXST-HS

ngày...tháng...năm...đối với bị cáo (các bị cáo):

⁽¹¹⁾.....sinh ngày.....tháng..... năm.....tại.....

Nơi cư trú.....; nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá (học

vấn).....; dân tộc:.....; giới tính:.....; tôn giáo:.....; quốc tịch:.....;

con ông.....và bà.....; có vợ (chồng) và.....con; ⁽¹²⁾tiền án.....,tiền

sự.....; nhân thân.....; bị bắt, tạm giam ngày⁽¹³⁾

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:⁽¹⁴⁾

Ông (Bà).....sinh năm (hoặc tuổi).....; nơi cư trú.....,

nghề nghiệp..... là⁽¹⁵⁾

- Người bào chữa cho bị cáo:⁽¹⁶⁾

.....

- Bị hại:⁽¹⁷⁾

.....

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:⁽¹⁸⁾

.....

- Nguyên đơn dân sự:⁽¹⁹⁾

.....

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:⁽²⁰⁾

.....

- Bị đơn dân sự:⁽²¹⁾

.....

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:⁽²²⁾

.....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:⁽²³⁾

.....

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:⁽²⁴⁾

.....

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (nguyên đơn dân sự,.....):⁽²⁵⁾

.....

- Người tham gia tố tụng khác:⁽²⁶⁾

.....

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:⁽²⁷⁾

.....

.....

.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: ⁽²⁸⁾

[1].....

.....
[2].....
.....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào⁽²⁹⁾.....

.....
(30)

.....
(31)

.....

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

*Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao
hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1
Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những
nơi cần lưu bản án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TP. Minh.

B, o c, o ®Ồ xuÊt - XX nguy 4/5/2018

Đánh bạc khoản 1- Đ 321 BLHS 2015

1. Nguyễn Văn Tuấn, sinh năm 1982.

ĐKHKT: Khu Vũ Thượng, phường Ái Quốc, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lái xe taxi; Trình độ văn hóa: 12/12; Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Văn Vũ và bà Vũ Thị Tĩnh(bà Tĩnh được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì). Có vợ là Trần Thị Hằng. Có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2015

Tiền án, tiền sự: Chưa

Nhân thân: - Bản án số 45 ngày 03/8/2007 của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc” (Số tiền đánh bạc 1.300.000đ).

- Quyết định xử phạt hành chính số 23 ngày 07/12/2016 xử phạt 1.500.000đ về hành vi đánh bạc (Đã nộp tiền phạt ngày 18/12/2016).

Bị cáo hiện thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương và được tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

2. Đào Văn Dũng, sinh năm 1984.

ĐKHKT: Khu Vũ Thượng, phường Ái Quốc, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12 Giới tính: Nam Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Con ông Đào Đức Dương và bà Đỗ Thị Keo. Có vợ là Nguyễn Thị Hoàn.

Có 03 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo hiện thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương và được tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Văn Tuấn, sinh năm 1990

ĐKHKT: Thôn Trí Giả, xã Thái Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lái xe taxi; Trình độ học vấn: 12/12. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Văn Đông– và bà Ngô Thị Hương. Có vợ là Nguyễn Thị Quế. Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/01/2018 đến ngày 23/01/2018, hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của TAND thành phố Hải Dương và được tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

4. Tạ Văn Giang, sinh năm 1980

ĐKHKT: Thôn Cáp Nhất, xã Tiền Tiến, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lái xe taxi; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Tạ Văn Ghi và bà Vũ Thị Nguyệt. Có vợ là Nguyễn Thị Dương. Có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/01/2018 đến ngày 23/01/2018, hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của TAND thành phố Hải Dương và được tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

5. Nguyễn Văn Đông, sinh năm 1989.

ĐKHKT: Thôn Phan Chi, xã Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Duy và bà Nguyễn Thị Tính.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/01/2018 đến ngày 23/01/2018, hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của TAND thành phố Hải Dương và được tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi liên quan: Ông Lê Văn Hãnh, sinh năm 1958. Địa chỉ: Khu 2, phường CT, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Anh Đoàn Văn Long, sinh năm 1985. Địa chỉ: Khu Nguyễn Trãi, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Trọng Lâm, sinh năm 1990, Địa chỉ: Thôn Vĩnh Xuyên, xã Vĩnh Hòa, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Anh Hà Huy Nhất, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn An Cư, xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Anh Phạm Văn Chí, sinh năm 1989. Địa chỉ: xã Vạn Phúc, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

Quyết @Ph:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn Tuấn (sinh năm 1982), Đào Văn Dũng, Nguyễn Văn Tuấn (sinh năm 1990), Tạ Văn Giang, Nguyễn Văn Đông phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt chính:

+ *Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn Tuấn (sinh năm 1982)*

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Tuấn (sinh năm 1982) **12** tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.

+ *Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Đào Văn Dũng.*

Xử phạt: Bị cáo Đào Văn Dũng **09** tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.

+ *Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn Tuấn (sinh năm 1990).*

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Tuấn (sinh năm 1990) **08** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ **16** tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn Tuấn cho UBND xã Thái Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Tuấn thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

+ *Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự đối với bị cáo Tạ Văn Giang, Nguyễn Văn Đông.*

- **Xử phạt:** Phạt tiền bị cáo Tạ Văn Giang 15 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

- **Xử phạt:** Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn Đông 13 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

3. Về hình phạt bổ sung:

+ *Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 Bộ luật hình sự; khoản 1, 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.*

- Phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Văn Tuấn (sinh năm 1982), Đào Văn Dũng, Nguyễn Văn Tuấn (sinh năm 1990) mỗi bị cáo 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (2015).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 11.220.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ bát sứ, 04 quân vị làm bằng giấy, 01 chiếc kéo các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội.

- Trả lại cho Nguyễn Văn Tuấn (sinh năm 1990) số tiền 20.000đ bị thu giữ không liên quan đến việc phạm tội nhưng cần giữ lại để đảm bảo thi hành án;

- Trả lại cho Nguyễn Văn Tuấn (sinh năm 1982) 02 chiếc điện thoại bị thu giữ không liên quan đến việc phạm tội nhưng cần giữ lại để đảm bảo thi hành án;
(Toàn bộ vật chứng, đặc điểm, số lượng, chủng loại theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/4/2018 giữa Công an thành phố Hải Dương và Chi cục THA dân sự thành phố Hải Dương).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Tuấn (sinh năm 1982), Đào Văn Dũng, Nguyễn Văn Tuấn (sinh năm 1990), Tạ Văn Giang, Nguyễn Văn Đông mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần quyền lợi liên quan đến vụ án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Phạm Thúy Hằng

**Tòa án nhân dân
thị trấn huyện lỵ huyện
Tuyên Hòa**

**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2016

Biên bản nghị quyết

Tòa án nhân dân thị trấn huyện lỵ huyện

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Khuôn.

Ông Nguyễn Công Hoan.

Căn cứ vào Điều 199 và Điều 222 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vào hồi ... giờ phút ngày 29 tháng 3 năm 2016, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án vụ án hình sự đối với bị cáo Đào Văn Ph-ong phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án nh- sau:

1. Về tội danh: Hội đồng xét xử thống nhất có đủ căn cứ xác định bị cáo Đào Văn Ph-ong phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về điều luật áp dụng : Hội đồng xét xử thống nhất

áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 - Bộ luật Hình sự.

Kết quả biểu quyết : 3/3

3. Về mức hình phạt: Hội đồng xét xử thống nhất

Xử phạt: Bị cáo **Đào Văn Ph-ong 10 tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 04/01/2016.

Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Về các vấn đề khác:

Về án phí: áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Đào Văn Ph-ong phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, ng-ời bị hại đ-ợc quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3 .

Biên bản lập xong vào hồi ... giờ ... phút cùng ngày. Các thành viên Hội đồng xét xử cùng đọc lại nhất trí ký tên.

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Phạm Thúy Hằng

TP h»ng

Ò xuÊt - XX nguy 28/10/2015

Vụ: Nguyễn Huy C-ờng - TCTS (điểm c K2 Đ138)

Nguyễn huy c-êng - sinh năm 1983; ĐKHKT và chỗ ở: Thôn Lâm Xuyên, xã Phú Điền, huyện Nam Sách, tỉnh Hải D-ơng.

Tiền án: - Bản án số 35/HSST ngày 18/12/2003, TAND huyện Nam Sách, tỉnh Hải D-ơng xử phạt 12 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. (Trị giá tài sản chiếm đoạt 12.236.000đ). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/10/2004.

- Bản án số 09/HSST ngày 29/4/2005, TAND huyện Nam Sách, tỉnh Hải D-ơng xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Trị giá tài sản 16.500.000đ

- Bản án số 131 ngày 23/9/2005, TAND tp Hải D-ơng xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp với 15 tháng tù của bản án số 09 ngày 29/4/2005 của TAND huyện Nam Sách. Tổng hình phạt chung là 39 tháng tù.

- Bản án số 20/HSST ngày 22/5/2010, TAND huyện Chí Linh, tỉnh Hải D-ơng xử phạt 321 tháng tù về tội Trốn khỏi nơi giam. Tổng hợp với hình phạt ch- a chấp hành của bản án số 131. C-ờng còn phải thi hành tiếp 35 tháng 05 ngày tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/02/2010.

- Bản án số 122/HSST ngày 30/11/2010, TAND TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái xử phạt 4 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Trị giá tài sản 75.000.000đ . Chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/7/2014.

Bị cáo bị tạm giam ngày 03/8/2015 đến nay tại trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải D-ơng;

Quyết Ònh:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Huy C-ờng phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

p dụng: Điểm c (tái phạm nguy hiểm) khoản 2 Điều 138; điểm g (tài sản d- ới 50.000.000đ), p khoản 1 Điều 46 - Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Huy C-ờng** 36-39 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 03/8/2015.

2. Về trách nhiệm dân sự:

„p dụng: Khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 604; 605; 608 - Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo **Nguyễn Huy C-ờng** bồi th- ờng cho anh **Vũ Đình Tùng** số tiền 17.990.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ng- ời đ- ọc thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải bồi th- ờng), cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án đối với khoản tiền trên mà ng- ời phải thi hành không thi hành thì phải chịu lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà n- ớc quy định t- ơng ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

3. Về án phí: „p dụng khoản 1, 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Pháp lệnh „n phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo **Nguyễn Huy C-ờng** phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 899.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, ng- ời bị hại đ- ọc quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

PhCn hái

BP c, o bii ®øc tr-îng

H: Bị cáo vừa nghe vị đại diện VKS công bố bản cáo trạng. Giữa bản Cáo trạng vừa công bố với bản cáo trạng mà bị cáo đã nhận đ- ọc có giống nhau không?

H: BC có thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng không?

- **H:** Công việc th- ờng ngày của bc là gì? bc sống cùng ai tr- ớc khi bị bắt? bc có có quan hệ ntn với Nguyễn Văn Thọ ? Hai ng- ời có th- ờng gặp gỡ và đi cùng nhau ko?

- BC có biết anh Thọ là ng- ời ở đâu? làm công việc gì không?

- BC có đi thực hiện nghĩa vụ quân sự ko? BC đã từng sử dụng súng bao giờ ch- a?

- BC có đ- ọc khẩu súng từ khi nào? lý do vì sao ng- ời đó lại đ- a khẩu súng cho bc? Khi đ- a, ng- ời đó nói với bc ntn?

- BC có biết đó là loại súng gì ko? Sau khi nhận khẩu súng của Thọ, BC để súng ở đâu? mục đích cất giấu khẩu súng đó nh- vậy để làm gì?

- Sau đó có sự việc gì xảy ra? Lúc đó bc đang ở vị trí nào? Bc nhìn thấy mấy ng- ời đi vào quán nơi BC đang ẩn nấp? Khi vào, bc có thấy họ nói gì ko? Họ ăn mặc ntn? Họ có cầm hung khí hay vật dụng gì trên tay ko?

- BC đã sử dụng khẩu súng ntn?

- Sau đó BC để súng ở đâu? Bc tự giao nộp hay bị Công an thu giữ?

- BC miêu tả đặc điểm của khẩu súng đó.

Công bố: kết luận giám định số 2183/C54 (P3) ngày 5/3/2015 của Viện khoa học hình sự Bộ công an, kết luận:

- BC có biết để đ- ọc sử dụng vũ khí nh- loại súng bc đã sử dụng phải có sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền của Nhà n- ớc và phải có giấy phép sử dụng súng ko? Biết vậy tại sao khi nhận đ- ọc khẩu súng từ tay ng- ời khác, bc ko giao nộp ngay cho cơ quan công an hay cơ quan có thẩm quyền khác?

- Theo Bc thì việc bc cất giấu súng nh- vậy có nguy hiểm đối với ng- ời khác ko?

- Bc suy nghĩ gì về hành vi của BC?

(Cho bc về ghế ngồi. Tòa mới ng- ời làm chứng đứng dậy.)

Hỏi những ng- ời làm chứng:

- Anh (chị) có quan hệ ntn với bc ? Anh (chị) có cam đoan sẽ khai trung thực những gì đã chứng kiến ko ?

Anh (chị) trình bày chi tiết sự việc đã chứng kiến vào ngày 16/9/2014. Anh (chị) có trực tiếp nhìn thấy BC sử dụng súng ko ? Nghe thấy mấy tiếng nổ ? Có nhìn thấy BC nhằm bắn vào ai ko ? Sau đó sự việc xảy ra ntn ?

- **Đề nghị các vị Hội thẩm nhân dân tham gia xét hỏi.**

H: Bị cáo nhận thức nh- thế nào về hành vi của mình?

H: Bị cáo hoặc gia đình có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác không? Gia đình BC có ai có công với cách mạng, với nhà n- ớc ko?

- Đề nghị vị đại diện VKS tiến hành xét hỏi.
- Những ng- ời tham gia tố tụng có ai đề nghị hỏi thêm nội dung nào không?

Nếu không ai hỏi gì thêm, không ai đề nghị hỏi thêm vấn đề gì của vụ án. Tôi tuyên bố kết thúc phần xét hỏi tại phiên toà, chuyển sang

PhÇn tranh luËn

1. Đề nghị kiểm sát viên trình bày lời luận tội.
2. Bị cáo trình bày lời bào chữa, tranh luận
3. Đề nghị đại diện VKS phát biểu quan điểm tranh luận lại

Chủ tọa phiên tòa: Nếu không ai có ý kiến gì mới để tranh luận thêm, Tôi tuyên bố kết thúc phần tranh luận. Trước khi HĐXX vào nghị án, cho bị cáo được nói lời sau cùng.

Hội đồng xét xử vào nghị án. Bị cáo có mặt khi Hội đồng xét xử tuyên án.